

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND - NV

Định Hóa, ngày tháng 4 năm 2024

V/v kết quả đánh giá chất lượng
phục vụ người dân, doanh nghiệp
trong giải quyết thủ tục hành
chính, cung cấp dịch vụ công trên
cổng DVCQG tháng 3 năm 2024

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. UBND huyện thông báo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử huyện Định Hóa tháng 3 năm 2024, như sau:

1. Điểm số các trục nội dung Bộ chỉ số trên Cổng DVCQG

1.1. Điểm số trục nội dung Công khai minh bạch đạt **16,9/18 điểm, tăng 6,4 điểm so với tháng 02/2024.**

1.2. Điểm số trục nội dung Tiến độ giải quyết đạt **19/20 điểm, giảm 0,3 điểm so với tháng 02/2024.**

1.3. Điểm số trục nội dung Dịch vụ công trực tuyến đạt **7,2/12 điểm, tăng 0,3 điểm so với tháng 02/2024.**

1.4. Điểm số trục nội dung Thanh toán trực tuyến đạt **9,9/10 điểm, giảm 0,1 điểm so với tháng 02/2024.**

1.5. Điểm số trục nội dung Mức độ hài lòng đạt **18/18 điểm, giữ nguyên điểm số so với tháng 02/2024.**

1.6. Điểm số trục nội dung Số hóa hồ sơ, kết quả TTHC đạt **19,1/22 điểm, tăng 0,5 điểm so với tháng 02/2024.**

1.7. Điểm tổng hợp đạt **90,1/100 điểm, tăng 6,8 điểm; xếp hạng 01/9 huyện, thành phố và tăng 02 bậc trên bảng xếp hạng so với tháng 02 năm 2024.**

2. Tổng hợp chi tiết số liệu của huyện Định Hóa

(Chi tiết tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html> và Phụ lục kèm theo)

3. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm chỉ đạo của UBND huyện tại Công văn số 25/UBND-VP ngày 03/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện về việc tăng cường tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2024; Công văn số 6461/UBND-VP ngày 29/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc thực hiện cải cách TTHC và giải quyết TTHC theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- UBND các xã Phúc Chu, Trung Hội, thị trấn Chợ Chu tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử, báo cáo giải trình hồ sơ quá hạn.

- UBND Các xã, thị trấn có các Chỉ số, số lượng, tỷ lệ giảm được thể hiện chi tiết tại phụ lục số II, III, IV, V, VI, phân tích, đánh giá và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Trên đây là thông báo thống kê số liệu Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của huyện Định Hóa tháng 3 năm 2024 trên Cổng dịch vụ công quốc gia. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện có giải pháp khắc phục những nội dung giảm điểm so với tháng 02/2024; tổ chức thông báo công khai đến các cơ quan, đơn vị, nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tú

PHỤ LỤC I. BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÁNG 03 NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /4/2024 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 29/02/2024		Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 31/3/2024		Tăng (+)/Giảm (-) so với ngày 29/02/2024
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)	
I	Công khai, minh bạch (điểm)	10,5		16,9		6,4
1.1	Số TTHC công khai trên Cổng DVC quốc gia/tổng số TTHC	1775/1775		1745/1745		0%
1.2	Số hồ sơ tiếp nhận đã đồng bộ					0%
a)	Hồ sơ đã đồng bộ	2.950	57,82%	5.082	93,18%	35%
b)	Hồ sơ chưa đồng bộ	2.152	42,18%	372	6,82%	-35%
II	Tiến độ giải quyết (điểm)	19,3		19		-0,3
2.1	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn		97,16%		95,94%	-1,22%
2.2	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn (chi tiết tại Phụ lục số II)		2,84%		4,06%	1%
III	Dịch vụ công trực tuyến (điểm)	6,9		7,2		0,3
3.1	TTHC cung cấp DVCTT một phần	35	11,86%	33	11,22%	-1%
3.2	TTHC cung cấp DVCTT toàn trình	79	26,78%	77	26,19%	-1%
3.3	Còn lại	181	61,36%	184	62,59%	1%
3.4	Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến (Chi tiết tại Phụ lục số III)					
a)	Hồ sơ nộp trực tuyến		84,91%		83,99%	-0,9%
b)	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	0.0	15,09%		16,01%	0,9%

3.5	Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý					0,0%
a)	<i>Hồ sơ xử lý đúng hạn</i>		98,81%		96,88%	-2%
b)	<i>Hồ sơ xử lý quá hạn</i>		1,19%		3,12%	2%
3.6	Tỷ lệ DVC trực tuyến có phát sinh hồ sơ		8,80%		13,40%	5%
3.7	Số lượng tăng trưởng DVC trực tuyến	996		978		-18
IV	Thanh toán trực tuyến (điểm)	10		9,9		-0,1
4.1	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia					0%
a)	<i>Cung cấp trên cổng DVC Quốc gia</i>	60	100%	65	100%	0%
b)	<i>Chưa tích hợp, cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến</i>	0		0		0%
4.2	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến					0%
a)	<i>Thanh toán trực tuyến</i>	2.578	94,09%	4.087	95,18%	1%
b)	<i>Thanh toán trực tiếp và hình thức khác</i>	162	5,91%	207	4,82%	-1%
4.3	Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến					0%
a)	<i>Thanh toán trực tuyến</i>	93	57,06%			-57%
b)	<i>Thanh toán trực tiếp và hình thức khác</i>	70	42,94%			-43%

V	Mức độ hài lòng (điểm)	18		18		0
5.1	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị		100%		100%	0%
5.2	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC		100%		100%	0%
5.3	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị theo phân loại					
a)	<i>Kiến nghị về những vướng mắc, bất cập về quy định hành chính</i>					
b)	<i>Phản ánh về hành vi của cán bộ, công chức, viên chức</i>					
VI	Số hóa kết quả hồ sơ TTHC (điểm)	18,6		19,1		0,5
6.1	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả TTHC được số hóa hồ sơ (<i>Chi tiết Phụ lục số IV</i>)		82,61%		81,11%	-1%
6.2	Tỷ lệ hồ sơ được cấp kết quả điện tử (<i>Chi tiết Phụ lục số V</i>)		84,58%		88,30%	4%
6.3	Số lượng tài khoản Công DVC quốc gia được xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia Dân cư	852.268		877.667		25.399
6.4	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2.104	89,42%	3.295	81,26%	-8,16%
VI	ĐIỂM TỔNG HỢP VÀ XẾP HẠNG (CHI TIẾT PHỤ LỤC VI)	Đạt 83,3/100 điểm; xếp hạng 03/9 huyện, thành phố.		Đạt 90,1/100 điểm; xếp hạng 01/9 huyện, thành phố.		Tăng 6,8 điểm, tăng 02 bậc trên bảng xếp hạng

PHỤ LỤC SỐ II. THỐNG KÊ CHI TIẾT HỒ SƠ QUÁ HẠN CỦA UBND CẤP XÃ,
UBND CẤP HUYỆN THÁNG 3 NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /4/2024 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Số lượng hồ sơ quá hạn trên Cổng DVCQG			Số lượng hồ sơ quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên		
		Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 29/02/2024	Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 31/3/2024	Tăng (+)/Giảm (-) so với ngày 29/02/2024	Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 29/02/2024	Số lượng hồ sơ quá hạn ngày 31/3/2024	Tăng (+)/Giảm (-) so với ngày 29/02/2024
1	UBND huyện Định Hóa	33	45	12	-	-	0
2	UBND thị trấn Chợ Chu	-	-	0	-	1	1
3	UBND xã Bảo Cường	-	-	0	-	-	0
4	UBND xã Bảo Linh	1	1	0	-	-	0
5	UBND xã Bình Thành	-	-	0			0
6	UBND xã Bình Yên	-	-	0			0
7	UBND xã Bộc Nhiêu	-	-	0	-	-	0
8	UBND xã Điềm Mặc	-	-	0	-	-	0
9	UBND xã Định Biên	-	-	0			0
10	UBND xã Đồng Thịnh	-	-	0	-	-	0
11	UBND xã Kim Phụng	7	7	0			0
12	UBND xã Lam Vỹ	-	-	0			0
13	UBND xã Linh Thông	-	-	0	1	1	0
14	UBND xã Phú Đình	-	1	1			0
15	UBND xã Phú Tiến	-	-	0			0
16	UBND xã Phúc Chu	-	-	0	-	2	2
17	UBND xã Phượng Tiến	-	-	0			0
18	UBND xã Quy Kỳ	10	1	-9	-	-	0
19	UBND xã Sơn Phú	-	1	1	-	-	0
20	UBND xã Tân Dương	-	-	0	1	1	0
21	UBND xã Tân Thịnh	-	-	0	-	-	0
22	UBND xã Thanh Định	1	1	0	1	1	0
23	UBND xã Trung Hội	-	-	0		1	1
24	UBND xã Trung Lương	2	2	0	-	-	0
	TỔNG SỐ	54	59	5	3	7	4

PHỤ LỤC SỐ III. THỐNG KÊ TỶ LỆ NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN THÁNG 3 NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /4/2024 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Tỷ lệ nộp HS trực tuyến ngày 29/02/2024 (%)	Tỷ lệ nộp HS trực tuyến ngày 03/3/2024 (%)	Tăng (+)/Giảm(-) so với ngày 29/02/2024 (%)
1	UBND thị trấn Chợ Chu	94,6%	96,5%	1,9%
2	UBND xã Bảo Cường	94,5%	97,5%	3,0%
3	UBND xã Bảo Linh	89,7%	54,1%	-35,6%
4	UBND xã Bình Thành	100,0%	97,9%	-2,1%
5	UBND xã Bình Yên	97,1%	96,1%	-1,0%
6	UBND xã Bộc Nhiêu	98,2%	87,5%	-10,7%
7	UBND xã Diêm Mặc	46,7%	90,9%	44,2%
8	UBND xã Định Biên	76,5%	84,4%	7,9%
9	UBND xã Đồng Thịnh	45,1%	55,5%	10,4%
10	UBND xã Kim Phụng	74,3%	61,0%	-13,3%
11	UBND xã Lam Vỹ	96,0%	98,3%	2,3%
12	UBND xã Linh Thông	97,8%	97,0%	-0,8%
13	UBND xã Phú Đình	90,3%	75,8%	-14,5%
14	UBND xã Phú Tiến	98,0%	92,1%	-5,9%
15	UBND xã Phúc Chu	80,2%	84,7%	4,5%
16	UBND xã Phụng Tiến	94,1%	98,1%	4,0%
17	UBND xã Quy Kỳ	96,9%	94,5%	-2,4%
18	UBND xã Sơn Phú	100,0%	99,0%	-1,0%
19	UBND xã Tân Dương	89,8%	71,4%	-18,4%
20	UBND xã Tân Thịnh	80,4%	67,2%	-13,2%
21	UBND xã Thanh Định	99,0%	100,0%	1,0%
22	UBND xã Trung Hội	97,2%	97,5%	0,3%
23	UBND xã Trung Lương	100,0%	100,0%	0,0%

**PHỤ LỤC IV. BIỂU TỔNG HỢP CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC ĐIỆN TỬ BẢN
SAO TỪ BẢN CHÍNH THÁNG 3 NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /4/2024 của UBND huyện)

STT	Địa phương	Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 29/02/2024		Thống kê trên Cổng dịch vụ công quốc gia ngày 31/3/2024		Tăng (+)/Giảm(-) so với ngày 29/02/2024
		Đã triển khai	Số lượng hoàn thành	Đã triển khai	Số lượng hoàn thành	
1	UBND thị trấn Chợ Chu	1/1	2509	1/1	2509	0
2	UBND xã Bảo Cường	1/1	1962	1/1	1962	0
3	UBND xã Bảo Linh	1/1	1175	1/1	1204	29
4	UBND xã Bình Thành	1/1	2206	1/1	2206	0
5	UBND xã Bình Yên	1/1	688	1/1	688	0
6	UBND xã Bộc Nhiêu	1/1	1219	1/1	1219	0
7	UBND xã Diêm Mặc	1/1	454	1/1	454	0
8	UBND xã Định Biên	1/1	1190	1/1	1190	0
9	UBND xã Đồng Thịnh	1/1	711	1/1	715	4
10	UBND xã Kim Phụng	1/1	1236	1/1	1248	12
11	UBND xã Lam Vỹ	1/1	1936	1/1	1936	0
12	UBND xã Linh Thông	1/1	1431	1/1	1431	0
13	UBND xã Phú Đình	1/1	2460	1/1	2460	0
14	UBND xã Phú Tiến	1/1	861	1/1	861	0
15	UBND xã Phúc Chu	1/1	782	1/1	787	5
16	UBND xã Phượng Tiến	1/1	880	1/1	880	0
17	UBND xã Quy Kỳ	1/1	964	1/1	975	11
18	UBND xã Sơn Phú	1/1	1150	1/1	1150	0
19	UBND xã Tân Dương	1/1	572	1/1	572	0
20	UBND xã Tân Thịnh	1/1	1569	1/1	1569	0
21	UBND xã Thanh Định	1/1	1463	1/1	1463	0
22	UBND xã Trung Hội	1/1	2440	1/1	2440	0
23	UBND xã Trung Lương	1/1	1482	1/1	1482	0
24	Phòng Tư pháp - Định Hóa	0/1	94	0/1	94	0
	CỘNG TỔNG:		31434		31495	61

**PHỤ LỤC V. TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
TTHC THÁNG 3 NĂM 2024**

(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /4/2024 của UBND huyện)

STT	Địa phương	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC 29/02/2024	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC 31/3/2024	Tăng (+)/Giảm(-) so với ngày 29/02/2024(%)
1	UBND thị trấn Chợ Chu	89,00%	90,20%	1,20%
2	UBND xã Bảo Cường	89,30%	90,50%	1,20%
3	UBND xã Bảo Linh	87,90%	78,80%	-9,10%
4	UBND xã Bình Thành	91,40%	91,50%	0,10%
5	UBND xã Bình Yên	89,80%	89,60%	-0,20%
6	UBND xã Bộc Nhiêu	87,90%	85,30%	-2,60%
7	UBND xã Diềm Mắc	58,30%	87,20%	28,90%
8	UBND xã Định Biên	74,70%	77,50%	2,80%
9	UBND xã Đồng Thịnh	58,10%	65,70%	7,60%
10	UBND xã Kim Phụng	82,40%	79,00%	-3,40%
11	UBND xã Lam Vỹ	89,50%	90,60%	1,10%
12	UBND xã Linh Thông	90,20%	90,90%	0,70%
13	UBND xã Phú Đình	87,20%	79,40%	-7,80%
14	UBND xã Phú Tiến	90,50%	88,40%	-2,10%
15	UBND xã Phúc Chu	87,60%	86,20%	-1,40%
16	UBND xã Phượng Tiến	88,70%	91,00%	2,30%
17	UBND xã Quy Kỳ	90,20%	89,60%	-0,60%
18	UBND xã Sơn Phú	91,40%	91,00%	-0,40%
19	UBND xã Tân Dương	87,50%	85,40%	-2,10%
20	UBND xã Tân Thịnh	82,00%	73,10%	-8,90%
21	UBND xã Thanh Định	91,00%	91,40%	0,40%
22	UBND xã Trung Hội	90,80%	90,50%	-0,30%
23	UBND xã Trung Lương	91,30%	91,50%	0,20%

PHỤ LỤC VI. BIỂU ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG ĐƠN VỊ XÃ, THỊ TRẤN THÁNG 3 NĂM 2024
(Kèm theo Công văn số /UBND- NV ngày /4/2024 của UBND huyện)

XẾP HẠNG	ĐƠN VỊ	TĂNG, GIẢM	GHI CHÚ
1	UBND xã Phụng Tiến	94,27	
		11,42	Tăng 11,42 điểm
2	UBND xã Bình Yên	93,51	
		4,28	Tăng 4,28 điểm
3	UBND xã Trung Hội	93,33	
		9,41	Tăng 9,41 điểm
4	UBND xã Lam Vỹ	93,24	
		2,15	Tăng 2,15 điểm
5	UBND xã Sơn Phú	92,25	
		5,57	Tăng 5,57 điểm
6	UBND xã Linh Thông	91,69	
		7,47	Tăng 7,47 điểm
7	UBND xã Phú Tiến	91,34	
		0,27	Tăng 0,27 điểm
8	UBND xã Diêm Mặc	90,98	
		8,24	Tăng 8,24 điểm
9	UBND xã Tân Dương	90,86	
		12,76	Tăng 12,76 điểm
10	UBND xã Kim Phụng	90,5	
		4,93	Tăng 4,93 điểm
11	UBND xã Phú Đình	90,42	
		0,71	Tăng 0,71 điểm
12	UBND xã Bình Thành	89,98	
		3,96	Tăng 3,96 điểm
16	UBND xã Định Biên	89,8	
		7,33	Tăng 7,33 điểm
14	UBND xã Phúc Chu	89,08	
		3,01	Giảm 3,01 điểm
15	UBND xã Quy Kỳ	88,4	
		5,87	Tăng 5,87 điểm
16	UBND xã Trung Lương	87,52	
		6,93	Tăng 6,93 điểm

17	UBND xã Đồng Thịnh	86,56	
		11,35	Tăng 11,35 điểm
18	UBND xã Thanh Định	85,97	
		8,62	Tăng 11,35 điểm
19	UBND xã Bảo Cường	85,42	
		5,79	Giảm 5,79 điểm
20	UBND xã Bộc Nhiêu	85,4	
		8,61	Giảm 8,61 điểm
21	UBND xã Bảo Linh	84,52	
		2,45	Giảm 2,45 điểm
22	UBND xã Tân Thịnh	83,84	
		1,31	Giảm 1,31 điểm
23	UBND thị trấn Chợ Chu	83,61	
		8,93	Tăng 8,93 điểm